

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17/6/2019

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

Ông Dương Ánh Minh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân đã thụ lý số 28/2019/TLST – HN ngày 11/02/2019 về việc: “***Xin ly hôn***”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HN ngày 19/4/2019. Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST – HN ngày 07/5/2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Kim P, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Trần Vũ B, sinh năm 1988

Trú tại: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Kim P trình bày:

Chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B kết hôn vào năm 2013, dựa trên điều kiện quen biết, anh chị có kết hôn tại UBND xã T. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh B ngoại tình, anh B không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị P và anh B sống ly thân cách nay khoảng 3-4 tháng. Nay chị Nguyễn Kim P thấy tình cảm không còn nên xin

ly hôn với anh B.

Con chung: Trần Nguyễn H, sinh ngày 16/3/2015 hiện đang sống với chị P, nay chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Vũ B trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn như P trình bày. Anh B và chị P sống hạnh phúc được 09 năm. Do làm ăn thua lỗ nên anh B đi làm xa, P xin ly hôn anh B không biết nguyên nhân, nay P đưa ra nguyên nhân mất hạnh phúc anh B không đồng ý đề nghị chị P đưa ra chứng cứ chứng minh. Nay anh B không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ và con còn nhỏ.

Con chung như chị P trình bày. Nếu tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P thì anh B yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án đồng ý cho chị P nuôi con thì anh B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim P, chị Nguyễn Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Vũ B. Con chung Trần Nguyễn H, sinh ngày 16/3/2015 chị Nguyễn Kim P trực tiếp nuôi, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Kim P yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Vũ B nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 30/01/2019 của Công an xã T đã xác nhận anh Trần Vũ B hiện đang sinh sống tại xã T, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[3] Nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B kết hôn vào năm 2013 dựa trên điều kiện kết hôn nhân là do quên biết và tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Như vậy, hôn nhân của chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Kim P, chị P cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh B không chung thủy, không quan tâm vợ con chỉ quan tâm bạn bè, còn anh B không đồng ý nguyên nhân mất hạnh phúc do chị P đưa ra mà anh B cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng phải sống xa nhau. Anh B không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh B cho rằng có thương vợ thương con muốn được đoàn tụ nhưng anh B không đưa ra được hướng khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc để vợ chồng về đoàn tụ. Tại tòa chị P cương quyết xin ly hôn nên xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim P là có căn cứ.

[4] Con chung: Trần Nguyễn H, sinh ngày 16/3/2015, chị P và anh B đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy từ khi chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B ly thân đến nay cháu H sống với chị P. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần cho cháu Trần Nguyễn H nên để cháu H cho chị P tiếp tục được trực tiếp nuôi con. Anh Trần Vũ B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

[5] Tài sản chung: Chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B trình bày không có nên không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Nguyễn Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Kim P.

Chị Nguyễn Kim P được ly hôn với anh Trần Vũ B.

2. Về nuôi con chung: Trần Nguyễn H, sinh ngày 16/3/2015 chị Nguyễn Kim P trực tiếp nuôi, anh Trần Vũ B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị P, anh B Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B trình bày không có nên không xem xét.

4. Nợ chung: Chị Nguyễn Kim P và anh Trần Vũ B trình bày không có nên không xem xét.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000418 ngày 11/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Phước Mỹ Trung, xã Thạnh Ngãi (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thuý

